

DỰ THẢO LẦN 1

ĐỀ ÁN

**Quy định về Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Giấy phép môi trường là một thủ tục hành chính mới, được quy định lần đầu tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022). Giấy phép môi trường là căn cứ để chủ đầu tư thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

Căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định “*Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp,*

cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật”.

Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *“Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)”*.

Do đó để đảm bảo tổ chức triển khai kịp thời các quy định pháp luật về phí và lệ phí hiện hành và có cơ sở để thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép môi trường đối với các thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, việc xây dựng đề án Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên phí: Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đồng tiền thu phí:

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ)

3. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai *(Theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường)*.

4. Đối tượng áp dụng:

a. Tổ chức, cá nhân là chủ dự án thuộc trường hợp phải thực hiện giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định pháp luật.

5. Phương thức cung cấp dịch vụ

Khi tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường đến nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai hoặc cấp huyện, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ tại quầy của Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thực hiện tiếp nhận hồ sơ và thu phí theo quy định; hồ sơ được chuyển đến Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài

nguyên và Môi trường để thực hiện xử lý theo quy định trả kết quả theo phiếu tiếp nhận hồ sơ.

6. Đơn vị tổ chức thu phí: cơ quan thu phí theo quy định.

7. Mức thu

a. Căn cứ xác định mức thu

Nguyên tắc xác định mức thu là “*đảm bảo bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân*”; mức phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường được xác định, tính đủ để đảm bảo chi trả cho tất cả các hoạt động cấp Giấy phép môi trường; đồng thời, phải đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động do Bộ Tài chính quy định; tham khảo mức thu của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương theo đúng quy định tại Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính (được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).

Để có căn cứ xác định mức thu, cần dựa trên các hình thức thẩm định, các công việc, hoạt động cần phải thực hiện khi thẩm định hồ sơ để tính toán chi phí tối thiểu cho hoạt động thẩm định, cấp giấy phép môi trường.

* *Các hình thức thẩm định đối với Dự án thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh:* Theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, có các hình thức thẩm định cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện như sau:

- Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh

+ *Thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập đối với các trường hợp sau:*

(1) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, không có nội dung sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất hoặc nội dung thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, đồng thời thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập hội đồng thẩm định, không tổ chức kiểm tra thực tế.

(2) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư.

+ *Thẩm định thông qua Tổ thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập, không tổ chức kiểm tra thực tế đối với trường hợp sau:*

(1) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, dự án đầu tư có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

(2) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ *Thẩm định thông qua Đoàn kiểm tra đối với trường hợp:* cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

+ *Thẩm định qua hồ sơ hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan* đối với các trường hợp Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường trong thời hạn còn lại của giấy phép khi có thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và các thay đổi khác trong thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp huyện

+ *Thẩm định thông qua Tổ thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập đối với các trường hợp:*

(1) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức khảo sát thực tế tại khu vực dự kiến triển khai dự án đầu tư.

(2) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ *Thẩm định thông qua Tổ kiểm tra thực tế đối với trường hợp:* cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

+ *Thẩm định qua hồ sơ hoặc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan* đối với các trường hợp Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện điều chỉnh giấy phép môi trường trong thời hạn còn lại của giấy phép khi có thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và các thay đổi khác trong thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Số lượng và cơ cấu Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định; Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra như sau:

+ Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra có ít nhất 05 thành viên. Tổ thẩm định có ít nhất 03 thành viên, trong đó Tổ trưởng là đại diện của cơ quan thẩm định. Đối với trường hợp quy định tại khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ, hoạt động thẩm định, cấp giấy phép môi trường được thực hiện thông qua tổ thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thành lập với không quá 03 thành viên. Cơ quan cấp giấy phép môi trường không tổ chức kiểm tra thực tế.

+ Cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra gồm: 01 chủ tịch hội đồng hoặc trưởng đoàn kiểm tra; 01 phó chủ tịch hội đồng hoặc phó trưởng đoàn kiểm tra trong trường hợp cần thiết; 01 thành viên thư ký; đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan; đại diện cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có); các chuyên gia, cán bộ, công chức trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở.

+ Thành viên hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra, tổ thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, viết bản nhận xét, đánh giá về các nội dung quy định tại Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

Như vậy, mức thu phí để đảm bảo chi phí cho các hoạt động cần thiết của cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét và cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm:

(1) *Chi phí cho việc công khai thông tin và gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan (điểm a và điểm b, khoản 4, Điều 29, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ):* Chi phí gửi văn bản tham vấn ý kiến đến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chuyên môn.

(2) *Chi phí cho việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định*”: Thù lao cho các thành viên, đại biểu tham dự phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định; Thù lao cho việc nghiên cứu và viết nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định.

(3) *Chi phí cho việc tổ chức Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra*” Thù lao cho việc nghiên cứu và viết nhận xét của các thành viên Đoàn kiểm tra; Thù lao cho các thành viên Đoàn kiểm tra và các đại biểu tham gia khảo sát và tham dự phiên họp chính thức của Đoàn tại cơ sở;

(4) *Chi phí tham vấn ý kiến bằng văn bản đối với các tổ chức, cá nhân, chuyên gia độc lập;*

(5) *Chi khác liên quan trực tiếp đến công tác cấp Giấy phép môi trường gồm:* Chi phí liên lạc, giao dịch với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan để tham khảo ý kiến; Chi phí photo, văn phòng phẩm, nước uống, thuê hội trường, thiết bị máy móc, phục vụ, vệ sinh dọn dẹp; Chi phí thuê xe phục vụ khảo sát thực tế, phục vụ đoàn kiểm tra; Chi phí chuyển hồ sơ đến các cá nhân, tổ chức liên quan,

bao gồm: tiếp nhận, xử lý thông tin, vướng mắc trong quá trình thực hiện Giấy phép.

b. Mức thu

Giấy phép môi trường là một thủ tục hành chính mới, được quy định lần đầu tại Luật Bảo vệ môi trường và bắt đầu được thực hiện từ năm 2022.

Do đó, đối với tỉnh Đồng Nai mức thu đề xuất cũng được tính toán và dự toán trên cơ sở các khoản chi cần phải thực hiện trong hoạt động thẩm định, cấp phép, có tham khảo Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.

Qua nghiên cứu, tham khảo mức phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ Tài chính, thì mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường là khoảng 50 triệu đồng/giấy phép/dự án nhóm I và 45 triệu đồng/giấy phép/dự án nhóm II. Riêng đối với các dự án/cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thì mức phí được thu từ 40-70 triệu đồng, các dự án/cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất thì mức phí được thu từ 35-75 triệu đồng (*mức phí này không bao gồm chi phí đi lại của đoàn kiểm tra thực tế và chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định*).

Từ các cơ sở trên, mức thu phí được đề xuất xây dựng như sau:

- *Mức thu đối với trường hợp cấp, cấp lại Giấy phép môi trường*

(1) Đối tượng 1: Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh. Hình thức thẩm định: Thẩm định thông qua thành lập hội đồng thẩm định, không thực hiện khảo sát thực tế (đối tượng thuộc điểm b, khoản 4, Luật BVMT 2020) hoặc Thẩm định thông qua thành lập tổ thẩm định, không thực hiện khảo sát thực tế (đối tượng không thuộc điểm b, khoản 4, Luật BVMT 2020)

(2) Đối tượng 2: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường, quy định tại các điểm a và b khoản 4; khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Hình thức thẩm định: Thẩm định thông qua thành lập hội đồng thẩm định, thực hiện khảo sát thực tế đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh và Thẩm định thông qua thành lập tổ thẩm định, thực hiện khảo sát thực tế đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND huyện.

(3) Đối tượng 3: Các dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực (01/01/2022) thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Hình thức thẩm định, cấp phép đối với thẩm quyền UBND tỉnh là thông qua thành lập Đoàn kiểm tra và của UBND cấp huyện là thông qua thành lập Tổ kiểm tra.

(4) Đối tượng 4: đối tượng cấp giấy phép thuộc khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Thẩm định thông qua thành lập tổ thẩm định, không quá 03 thành viên.

Bảng 1: Mức thu phí thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường

TT	Đối tượng thu phí	Mức phí thu (VNĐ/giấy phép/dự án/cơ sở)	
		Thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh	Thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện
1	Phí thẩm định cấp, cấp lại, Giấy phép môi trường đối với Đối tượng 1: Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh	12.100.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 2)	
2	Phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy phép môi trường đối với Đối tượng 2: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường, quy định tại các điểm a và b khoản 4; khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường	14.650.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 3)	9.100.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 4)
3	Phí thẩm định cấp, cấp lại, Giấy phép môi trường đối với Đối tượng 3: Các dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật	11.960.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 5)	6.400.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 6)

	Bảo vệ môi trường hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực (01/01/2022)		
4	Phí thẩm định cấp, cấp lại, Giấy phép môi trường đối với Đối tượng 4: đối tượng cấp giấy phép thuộc khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	4.800.000 (Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 7)	

(Thuyết minh chi tiết mức phí cơ sở được trình bày tại các Phụ lục 2 đến 7 kèm theo).

7.3.2. Mức thu đối với trường hợp cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường

Bảng 2: Phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường:

TT	Đối tượng thu phí	Mức phí thu (VNĐ/giấy phép/dự án/cơ sở)	
		Thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh	Thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện
1	Phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép môi trường	5.600.000	

(Thuyết minh chi tiết tại Phụ lục 8)

Ghi chú:

(1) Mức thu phí được tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường.

(2) Mức thu phí không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích chất thải theo quy định.

8. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí và hiệu quả thu phí

Mức thu phí cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trong đề án này căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành, có tính đến tình hình giá cả trên địa bàn tỉnh tại thời điểm hiện tại.

Việc ban hành mức thu phí cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường bảo đảm trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí và có nguồn kinh phí chi trả cho hoạt động liên quan công tác cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường.

9. Chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai và quyết toán phí

9.1. Về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí:

- Tổ chức thu phí nộp 100% số tiền thu phí vào ngân sách nhà nước tỉnh. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Nguyên tắc quản lý, sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

9.2. Chứng từ nộp phí:

Chứng từ thu phí do Cục thuế Đồng Nai phát hành theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định về phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Tổ chức thu phí có trách nhiệm lập, cấp biên lai cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành.

9.3. Lập dự toán và quyết toán:

Hàng năm, tổ chức thu phí lập dự toán thu phí căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm; lập dự toán chi căn cứ nội dung chi tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định gửi cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu phí mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Tổ chức thu phí lập tờ khai phí hàng tháng nộp cơ quan thuế cùng cấp; hàng năm phải quyết toán thu, chi theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền chưa chi hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

9.4. Công khai chế độ thu phí:

Niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên Trang thông tin điện tử của tổ chức thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Phí và Lệ phí năm 2015.”

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án phí thẩm định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết thông qua; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế Đồng Nai, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện,

thành phố Long Khánh, Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về phí thuộc lĩnh vực tài nguyên nước thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH